

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (Luật số 70/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 1677/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hết hiệu lực thi hành kể

từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Cục và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ (để triển khai);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường (để đăng tải, đưa tin);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Ngọc Điệp

QUY CHẾ

**Quản lý xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và xây dựng, thẩm định,
ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành là Cục trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo là cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ hoặc trực thuộc Cơ quan quản lý chuyên ngành được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN). Trường hợp phòng, ban chuyên môn thuộc Cơ quan quản lý chuyên ngành trực tiếp thực hiện nhiệm vụ soạn thảo thì Cơ quan quản lý chuyên ngành là Đơn vị chủ trì soạn thảo.

3. Hoạt động TCVN và QCVN bao gồm:

- a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN, QCVN;
- b) Xây dựng TCVN, QCVN, bao gồm: xét duyệt đề xuất xây dựng dự thảo TCVN, QCVN; rà soát, nghiên cứu, xây dựng, tham vấn, thẩm tra TCVN, QCVN, thẩm định QCVN; đánh giá tác động của QCVN;
- c) Phổ biến TCVN, QCVN; đánh giá hiệu quả của việc áp dụng TCVN, QCVN; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, áp dụng TCVN, QCVN.

Điều 4. Phương thức gửi, nhận văn bản, hồ sơ và lưu trữ

1. Hoạt động đề xuất, tổng hợp và phê duyệt kế hoạch (5 năm, hằng năm); xây dựng, thẩm tra TCVN; xây dựng, thẩm định, ban hành QCVN giữa Cơ quan quản lý

chuyên ngành, Vụ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan được thực hiện trên Hệ thống Quản lý khoa học và công nghệ của Bộ (<https://qlkhn.mae.gov.vn>).

2. Hoạt động gửi, nhận hồ sơ, tài liệu và xử lý công việc trong quá trình xây dựng TCVN, QCVN giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện trên Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử của Bộ (<https://hscv.mae.gov.vn>).

3. Trường hợp hồ sơ, văn bản hoặc tài liệu kèm theo có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước thì phương thức gửi, nhận, xử lý và lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Hồ sơ trong quá trình xây dựng TCVN và xây dựng, thẩm định, ban hành QCVN phải được Cơ quan quản lý chuyên ngành, Đơn vị chủ trì soạn thảo lưu trữ theo quy định pháp luật về lưu trữ văn bản, tài liệu.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng

1. Khi triển khai các hoạt động liên quan đến xây dựng TCVN và xây dựng, thẩm định, ban hành QCVN, các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Bộ thực hiện theo quy định tại Quy chế này; đồng thời tuân thủ các quy định tại:

a) Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Nghị định số 22/2026/NĐ-CP);

b) Thông tư số 13/2026/TT-BKHCHN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2026/TT-BKHCHN);

c) Thông tư số 15/2026/TT-BKHCHN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2026/TT-BKHCHN).

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Chương II

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TCVN, QCVN

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN

1. Đề xuất kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN

a) Vào tháng 6 năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm, căn cứ nhu cầu quản lý, kết quả rà soát và đề xuất của tổ chức, cá nhân, Cơ quan quản lý chuyên ngành lập hồ sơ đề xuất kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN thuộc lĩnh vực được phân công, gửi Vụ Khoa học và Công nghệ;

b) Nội dung và hồ sơ đề xuất thực hiện theo quy định Điều 4 và điểm a

khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN.

2. Tổng hợp và đề nghị phê duyệt kế hoạch

Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Cơ quan quản lý chuyên ngành tổng hợp, rà soát, đánh giá và báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản kèm theo hồ sơ đề xuất kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đến Bộ Khoa học và Công nghệ để phê duyệt theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN

a) Căn cứ kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN đã được phê duyệt, Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện;

b) Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, Cơ quan quản lý chuyên ngành báo cáo tình hình và kết quả thực hiện đến Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung, báo cáo Lãnh đạo Bộ và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia).

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN

a) Việc bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN được thực hiện tương ứng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp đề xuất điều chỉnh hoặc rút khỏi kế hoạch, Cơ quan quản lý chuyên ngành lập hồ sơ điều chỉnh, thuyết minh (theo mẫu tại Mục 2, Mục 3 Phụ lục I Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN), gửi Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Lập kế hoạch và phê duyệt danh mục các nhiệm vụ xây dựng TCVN hằng năm

1. Đề xuất kế hoạch và lấy ý kiến góp ý

a) Căn cứ kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN đã được phê duyệt, kết quả rà soát, đánh giá và yêu cầu thực tiễn, Cơ quan quản lý chuyên ngành lập hồ sơ đề xuất kế hoạch năm tiếp theo gửi Vụ Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 02:

- Nội dung kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN;

- Hồ sơ đề xuất thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP (dự kiến kế hoạch xây dựng TCVN thực hiện theo Mục 1 Phụ lục II; dự án xây dựng TCVN thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN).

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, rà soát, đánh giá đề xuất của các Cơ quan quản lý chuyên ngành; trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi xin ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia).

2. Hoàn thiện dự thảo kế hoạch xây dựng TCVN

Cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp thu ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ, hoàn thiện dự thảo kế hoạch và gửi lại Vụ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 3.

3. Đánh giá và phê duyệt danh mục các nhiệm vụ xây dựng TCVN hằng năm

a) Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức đánh giá đề xuất kế hoạch đã hoàn thiện (về sự cần thiết; tính thống nhất, tính đồng bộ; tài liệu kỹ thuật làm căn cứ; mức trần kinh phí);

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt danh mục các nhiệm vụ xây dựng TCVN hằng năm (thông tin gồm: tên nhiệm vụ; lĩnh vực/đối tượng; tài liệu kỹ thuật làm căn cứ; tên tổ chức chủ trì biên soạn; thời gian thực hiện; mức trần kinh phí) của Bộ trước ngày 01 tháng 5;

c) Căn cứ danh mục đã được phê duyệt, Vụ Khoa học và Công nghệ trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi đề xuất kế hoạch hằng năm đến Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia).

4. Thực hiện kế hoạch hằng năm xây dựng TCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện kế hoạch đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy chế này;

b) Định kỳ hàng tháng, 06 tháng, hằng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, Cơ quan quản lý chuyên ngành báo cáo tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch gửi Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung, báo cáo Lãnh đạo Bộ; trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia).

5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng TCVN

a) Căn cứ yêu cầu quản lý hoặc khi có yêu cầu, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Cơ quan quản lý chuyên ngành đề xuất bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng TCVN. Trình tự đề xuất, phê duyệt bổ sung thực hiện tương ứng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp đề xuất điều chỉnh hoặc rút khỏi kế hoạch hằng năm xây dựng TCVN, Cơ quan quản lý chuyên ngành gửi văn bản nêu rõ lý do kèm hồ sơ (Dự kiến điều chỉnh theo mẫu tại Mục 2 Phụ lục II; dự án xây dựng TCVN thực hiện theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN) đến Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia).

Điều 8. Lập, phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN

1. Lập, phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN

a) Xây dựng dự thảo kế hoạch 5 năm: Vào tháng 6 năm cuối kỳ kế hoạch 5 năm hiện tại, căn cứ yêu cầu quản lý, chiến lược phát triển và kết quả rà soát, Cơ quan quản lý chuyên ngành lập kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN cho giai đoạn tiếp theo, gửi Vụ Khoa học và Công nghệ (Nội dung và hình thức kế hoạch thực hiện theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN);

b) Lấy ý kiến đối với dự thảo kế hoạch 5 năm: Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất của các Cơ quan quản lý chuyên ngành; trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi dự thảo kế hoạch 5 năm của Bộ lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ

và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

c) Hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch: Cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp thu các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống QCVN; gửi dự thảo kế hoạch 5 năm đã hoàn thiện về Vụ Khoa học và Công nghệ.

d) Phê duyệt kế hoạch: Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN của Bộ; thực hiện công khai kế hoạch theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCHN.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức triển khai kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN đã được phê duyệt; cụ thể hóa thành kế hoạch hằng năm;

b) Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, Cơ quan quản lý chuyên ngành báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước, thay đổi công nghệ, chiến lược, quy hoạch hoặc phát sinh cấp thiết để đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch. Trình tự đề xuất, phê duyệt thực hiện tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai kế hoạch sau khi được phê duyệt điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCHN.

Điều 9. Lập và phê duyệt kế hoạch hằng năm xây dựng QCVN

1. Đề xuất kế hoạch và lấy ý kiến góp ý

a) Căn cứ kế hoạch 5 năm xây dựng QCVN đã được phê duyệt và yêu cầu thực tiễn quản lý, Cơ quan quản lý chuyên ngành lập hồ sơ đề xuất kế hoạch năm tiếp theo gửi Vụ Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 3 hằng năm. Hồ sơ và biểu mẫu đề xuất thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BKHCHN;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi xin ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các cơ quan, tổ chức có liên quan; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCHN.

2. Hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch xây dựng QCVN

Cơ quan quản lý chuyên ngành chủ trì tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo kế hoạch xây dựng QCVN (nội dung làm rõ: sự cần thiết; tính thống nhất, đồng bộ; tài liệu kỹ thuật làm căn cứ biên soạn; dự kiến mức trần kinh phí) và gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 3.

3. Đánh giá và phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN

a) Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài

chính và Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức đánh giá đề xuất kế hoạch xây dựng QCVN theo các tiêu chí: sự cần thiết, tính thống nhất và đồng bộ, mức độ tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, căn cứ kỹ thuật và tính khả thi của mức trần kinh phí dự kiến;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt Kế hoạch hằng năm xây dựng QCVN của Bộ trước ngày 31 tháng 5; thực hiện công khai Kế hoạch theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN; đồng thời gửi Vụ Pháp chế để xây dựng Chương trình công tác hằng năm của Bộ.

4. Thực hiện kế hoạch xây dựng QCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Định kỳ hằng tháng, 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, Cơ quan quản lý chuyên ngành báo cáo tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch về Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ; trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia) trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng QCVN

a) Căn cứ yêu cầu quản lý thực tiễn hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Cơ quan quản lý chuyên ngành đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm xây dựng QCVN (nêu rõ lý do, căn cứ). Trình tự, thủ tục đề xuất và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thực hiện tương ứng theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm công khai kế hoạch xây dựng QCVN đã điều chỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN.

Chương III

XÂY DỰNG TCVN, QCVN

Điều 10. Lập, phê duyệt dự án xây dựng TCVN, QCVN

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo lập dự án xây dựng TCVN, QCVN trình Thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành phê duyệt.

a) Mẫu dự án xây dựng TCVN thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN;

b) Mẫu dự án xây dựng QCVN thực hiện theo Biểu mẫu số 1 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Thẩm định, phê duyệt dự án xây dựng TCVN, QCVN

a) Căn cứ danh mục các nhiệm vụ xây dựng TCVN, kế hoạch hằng năm xây dựng QCVN đã được phê duyệt, Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm

định, phê duyệt dự án xây dựng TCVN, QCVN;

b) Thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định hình thức đánh giá, thẩm định phù hợp theo thẩm quyền (áp dụng Phụ lục 2 trong trường hợp thông qua Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành); gửi danh mục kèm dự án đã được phê duyệt đến Vụ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính đề xuất kế hoạch sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Điều 11. Xây dựng dự thảo TCVN

1. Thành lập Tổ soạn thảo TCVN

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng TCVN đã được phê duyệt, Đơn vị chủ trì soạn thảo thành lập Tổ soạn thảo TCVN để triển khai xây dựng dự thảo.

b) Thành phần Tổ soạn thảo gồm đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan, các chuyên gia và nhà khoa học trong lĩnh vực TCVN tương ứng.

2. Soạn thảo dự thảo TCVN

Đơn vị chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Soạn thảo dự thảo và thuyết minh TCVN theo Dự án đã được phê duyệt. Trình bày và thể hiện thực hiện theo TCVN 1-2:2025 và Phụ lục IV Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN;

b) Tổ chức tham vấn chuyên môn; phối hợp với Cơ quan quản lý chuyên ngành lấy ý kiến và thông báo lấy ý kiến theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN;

c) Tổng hợp, xử lý ý kiến góp ý; phối hợp với Cơ quan quản lý chuyên ngành đăng tải công khai kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến; hoàn thiện dự thảo TCVN, lập hồ sơ dự thảo TCVN theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN và Phụ lục 1 Quy chế này, gửi Cơ quan quản lý chuyên ngành.

3. Thẩm tra, đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo TCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành:

- Tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ dự thảo TCVN do Đơn vị chủ trì soạn thảo đề nghị. Căn cứ tính chất chuyên môn kỹ thuật của dự thảo TCVN, Thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định hình thức thẩm tra, đánh giá theo thẩm quyền và đặc thù lĩnh vực chuyên ngành được phân công (áp dụng quy định tại Phụ lục 2 trong trường hợp quyết định thành lập Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành).

- Chỉ đạo việc tiếp thu, xử lý ý kiến (theo Biểu mẫu số 3 Phụ lục 1 Quy chế này) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo TCVN trên cơ sở kết quả thẩm tra, đánh giá.

- Trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia) thẩm định đối với hồ sơ dự thảo TCVN đã tiếp thu, hoàn thiện.

b) Trong quá trình Cơ quan quản lý chuyên ngành trình Lãnh đạo Bộ ký

văn bản đề nghị thẩm định, Vụ Khoa học và Công nghệ cho ý kiến trực tiếp đối với hồ sơ, dự thảo TCVN trên Phiếu trình đề Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

4. Hoàn thiện hồ sơ và đề nghị công bố TCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành: Chỉ đạo việc tiếp thu, xử lý ý kiến (theo Biểu mẫu số 3 Phụ lục 1 Quy chế này) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo TCVN trên cơ sở kết quả thẩm định (hoặc chỉ đạo việc giải trình nếu không thống nhất với kết quả thẩm định); trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia) xem xét, công bố TCVN;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ cho ý kiến tham mưu trực tiếp đối với hồ sơ, dự thảo TCVN đề nghị công bố hoặc văn bản giải trình trên Phiếu trình của Cơ quan quản lý chuyên ngành tương tự quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

5. Tiếp nhận kết quả thẩm định, công bố TCVN

Văn phòng Bộ tiếp nhận Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ dự thảo TCVN và Quyết định công bố TCVN của Bộ Khoa học và Công nghệ; báo cáo Lãnh đạo Bộ và chuyển đến Cơ quan quản lý chuyên ngành để tổ chức thực hiện, đồng thời chuyển Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi.

Điều 12. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TCVN và đánh giá hiệu quả việc áp dụng TCVN

1. Rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng TCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành:

- Định kỳ 03 năm kể từ ngày công bố, tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng TCVN; hoặc chủ động rà soát đột xuất khi có thay đổi công nghệ, rủi ro an toàn, pháp luật, yêu cầu hội nhập, yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc trường hợp cần thiết khác.

- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá (theo mẫu tại Phụ lục VI Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN) gửi Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

b) Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo kết quả rà soát của các lĩnh vực thuộc Bộ (thành đợt); trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia).

2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế TCVN

Sửa đổi, bổ sung, thay thế TCVN thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. Bãi bỏ TCVN

a) Căn cứ kết quả rà soát, khi TCVN không còn phù hợp, Cơ quan quản lý chuyên ngành gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan (kèm thuyết minh lý do) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN; lập hồ sơ bãi bỏ TCVN theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ

(Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia) xem xét, bãi bỏ TCVN;

b) Trong quá trình Cơ quan quản lý chuyên ngành trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản đề nghị bãi bỏ TCVN, Vụ Khoa học và Công nghệ cho ý kiến trực tiếp đối với hồ sơ, dự thảo TCVN trên Phiếu trình đề Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

Điều 13. Xây dựng dự thảo QCVN và dự thảo Thông tư ban hành QCVN

1. Soạn thảo dự thảo QCVN và Thông tư ban hành

a) Thành lập Tổ soạn thảo QCVN

- Căn cứ kế hoạch xây dựng QCVN đã được phê duyệt, Đơn vị chủ trì soạn thảo thành lập Tổ soạn thảo QCVN để triển khai xây dựng dự thảo.

- Thành phần Tổ soạn thảo gồm đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan, các chuyên gia và nhà khoa học trong lĩnh vực QCVN tương ứng.

b) Đơn vị chủ trì soạn thảo QCVN chịu trách nhiệm toàn diện về chuyên môn, thực hiện việc biên soạn dự thảo QCVN theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN;

c) Cơ quan quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức tham vấn chuyên môn, lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo QCVN theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN;

d) Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức soạn thảo dự thảo Thông tư ban hành QCVN đồng thời với việc soạn thảo dự thảo QCVN.

Trình tự, thủ tục xây dựng Thông tư ban hành QCVN thực hiện theo Điều 30 hoặc Điều 34 (đối với trường hợp theo trình tự, thủ tục rút gọn) Quyết định số 4479/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chế công tác pháp chế của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Quyết định số 4479/QĐ-BNNMT).

2. Thẩm tra, thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành:

- Tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ dự thảo QCVN do Đơn vị chủ trì soạn thảo đề nghị. Căn cứ tính chất chuyên môn kỹ thuật của dự thảo QCVN, Thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định hình thức thẩm tra, đánh giá theo thẩm quyền và đặc thù lĩnh vực chuyên ngành được phân công (áp dụng quy định tại Phụ lục 2 trong trường hợp quyết định thành lập Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành).

- Chỉ đạo việc tiếp thu, xử lý ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCVN trên cơ sở kết quả thẩm tra, đánh giá.

- Gửi hồ sơ dự thảo QCVN hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 22/2026/NĐ-CP đến Vụ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định.

b) Vụ Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN.

- Thông báo kết quả thẩm định đến Cơ quan quản lý chuyên ngành để tổ chức tiếp thu, xử lý ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCVN.

3. Lấy ý kiến, tiếp thu ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCVN theo kết luận thẩm định; trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Tổ chức tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành QCVN gửi thẩm định.

b) Văn phòng Bộ tiếp nhận ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ; báo cáo Lãnh đạo Bộ và chuyển tiếp đến Cơ quan quản lý chuyên ngành để tổ chức thực hiện, đồng thời chuyển Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi quản lý.

4. Thẩm định dự thảo thông tư ban hành QCVN

a) Vụ Pháp chế chủ trì thẩm định về pháp lý của dự thảo thông tư ban hành QCVN gồm: hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành thông tư và dự thảo thông tư, không bao gồm phần dự thảo QCVN kèm theo dự thảo thông tư;

b) Vụ Khoa học và Công nghệ có ý kiến chuyên môn đối với nội dung tiếp thu, hoàn thiện dự thảo QCVN theo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Cơ quan quản lý chuyên ngành chủ trì tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế và ý kiến chuyên môn của Vụ Khoa học và Công nghệ; chỉnh lý, hoàn thiện toàn bộ hồ sơ dự thảo Thông tư và dự thảo QCVN để trình ban hành.

5. Ban hành QCVN

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành gửi xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ; tiếp thu ý kiến (nếu có) và trình Bộ trưởng ban hành Thông tư kèm theo QCVN.

b) Hồ sơ trình ban hành bao gồm: Hồ sơ dự thảo Thông tư thực hiện theo khoản 3 Điều 32 Quyết định số 4479/QĐ-BNNMT; Hồ sơ dự thảo QCVN thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Điều 14. Trình bày, thể hiện và số hiệu QCVN

1. Vụ Khoa học và Công nghệ quản lý và cấp số hiệu QCVN.

2. Ký hiệu QCVN, trình bày và thể hiện nội dung QCVN thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN.

Điều 15. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ QCVN và đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCVN

1. Rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCVN

Hàng năm, Cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCVN theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; Báo cáo kết quả về Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ.

2. Sửa đổi, bổ sung QCVN

Việc sửa đổi, bổ sung QCVN thực hiện theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành QCVN quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Bãi bỏ QCVN

a) Trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân, Cơ quan quản lý chuyên ngành lập danh mục QCVN cần bãi bỏ kèm hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành chủ trì trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ban hành Thông tư bãi bỏ QCVN.

- Hồ sơ bãi bỏ QCVN thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

- Dự thảo thông tư bãi bỏ QCVN thực hiện theo quy định tại Quyết định số 4479/QĐ-BNNMT.

4. Thay thế QCVN

a) Thay thế QCVN là hoạt động ban hành QCVN mới, đồng thời bãi bỏ QCVN cũ tương ứng trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCVN hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân;

b) Trình tự, thủ tục, hồ sơ thay thế QCVN được thực hiện theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành QCVN quy định tại Điều 13 và khoản 3 Điều này. Tổ chức thực hiện việc bãi bỏ QCVN cũ đồng thời với việc xây dựng QCVN thay thế.

Điều 16. Đăng ký QCVN

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành gửi QCVN đã được ban hành đến Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

2. Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ thực hiện đăng ký QCVN với Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Điều 35 của Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Vụ Khoa học và Công nghệ

1. Tham mưu, tổng hợp giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

2. Tham mưu, giúp Bộ trưởng trong việc hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ trong việc tuân thủ quy trình xây dựng, áp dụng TCVN, QCVN theo quy định tại Quy chế này.

3. Chủ trì thẩm định, có ý kiến chuyên môn đối với hồ sơ dự thảo QCVN theo quy định tại Quy chế này.

4. Đầu mỗi cập nhật, chia sẻ thông tin về kế hoạch xây dựng, kết quả công bố, rà soát, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ TCVN, QCVN của các Bộ, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý của Bộ.

5. Chủ trì hoặc phối hợp với các Cơ quan quản lý chuyên ngành tham gia ý kiến đối với kế hoạch, dự thảo TCVN, quy chuẩn kỹ thuật theo đề nghị của các bộ, ngành, địa phương khi có yêu cầu hoặc chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ; tổng hợp ý kiến chung của Bộ trong trường hợp nội dung lấy ý kiến liên quan đến nhiều cơ quan, lĩnh vực thuộc Bộ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật do Lãnh đạo Bộ phân công.

Điều 18. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

Tham gia ý kiến về đề xuất kế hoạch hằng năm, kế hoạch 5 năm xây dựng TCVN, QCVN.

Điều 19. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

Chủ trì thẩm định về mặt pháp lý của dự thảo thông tư ban hành QCVN gồm: hồ sơ, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành Thông tư (không bao gồm phần QCVN kèm theo dự thảo Thông tư).

Điều 20. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý chuyên ngành

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc tổ chức xây dựng, hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN thuộc lĩnh vực được phân công quản lý, bảo đảm chất lượng, tiến độ và tính đầy đủ, thống nhất, đồng bộ.

2. Báo cáo, giải trình về nội dung chuyên môn kỹ thuật của TCVN, QCVN khi có yêu cầu của Lãnh đạo Bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền.

3. Phổ biến, hướng dẫn áp dụng TCVN, QCVN thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý sau khi được công bố, ban hành; tổ chức kiểm tra việc áp dụng.

4. Chủ trì nghiên cứu, tham gia ý kiến chuyên môn theo phạm vi quản lý chuyên ngành đối với dự thảo kế hoạch; dự thảo TCVN, quy chuẩn kỹ thuật do các Bộ, ngành, địa phương gửi lấy ý kiến; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về nội dung tham gia ý kiến.

5. Định kỳ hằng tháng, 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, thực hiện báo cáo tình hình, kết quả xây dựng và áp dụng TCVN, QCVN; phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ dữ liệu về Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, quản lý và theo dõi chung toàn Bộ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật do Lãnh đạo Bộ phân công.

Điều 21. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì soạn thảo

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng TCVN, QCVN được

giao theo đúng dự án được phê duyệt, bảo đảm chất lượng và tiến độ; trực tiếp báo cáo, giải trình các nội dung chuyên môn kỹ thuật khi có yêu cầu; phối hợp chặt chẽ với Cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo ở từng giai đoạn cho đến khi được công bố, ban hành và bàn giao đầy đủ hồ sơ theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện về cơ sở khoa học, tính chính xác, khách quan của các thông số, chỉ tiêu kỹ thuật, kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm, tài liệu viện dẫn và toàn bộ nội dung chuyên môn kỹ thuật của dự thảo TCVN, QCVN được giao.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nhiệm vụ xây dựng QCVN đã được tổ chức xây dựng, thẩm định trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 nhưng chưa được công bố, ban hành thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp tại Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (Luật số 70/2025/QH15).

2. Đối với các hồ sơ dự thảo QCVN đã được triển khai xây dựng nhưng chưa được thẩm định trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định tại Quy chế này.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để xem xét, xử lý./. 

Phụ lục 1
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Số hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu
1.	Biểu mẫu số 1	Dự án xây dựng QCVN
2.	Biểu mẫu số 2	Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo TCVN/QCVN
3.	Biểu mẫu số 3	Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý

Phong

Biểu mẫu số 1. Dự án xây dựng QCVN

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN XÂY DỰNG QCVN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN):

(Ghi rõ tên tiếng Việt và tiếng Anh, ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trụ sạc xe điện/National technical regulation on electric vehicle charging equipments).

- Loại QCVN

- Chuyên ngành/ Lĩnh vực/đối tượng QCVN

2. Cơ quan chủ trì xây dựng:

Cơ quan quản lý chuyên ngành:

3. Tổ chức (hoặc cá nhân) đề nghị

Tên tổ chức (cá nhân):

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

4. Thời gian thực hiện: (Từ tháng/năm – đến tháng/năm)

5. Căn cứ pháp lý: (các văn bản giao nhiệm vụ, ví dụ: Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định phê duyệt kế hoạch...)

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG QCVN

1. Tình hình trong nước:

- Thực trạng quản lý nhà nước đối với đối tượng của QCVN (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình...).

- Hiện trạng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật hiện có; các bất cập, chồng chéo, thiếu hụt.

- Các vấn đề về an toàn, môi trường, sức khỏe cộng đồng, thương mại... cần được quản lý bằng công cụ QCVN.

- Tình hình sản xuất, công nghệ, năng lực đánh giá sự phù hợp trong nước.

- Nhu cầu của cơ quan quản lý, doanh nghiệp và xã hội.

- Các vấn đề khác.

2. Tình hình quốc tế:

- Kinh nghiệm, xu hướng quốc tế trong quản lý và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật cùng loại;

- Các cam kết quốc tế của Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực này (WTO/TBT, EVFTA, CPTPP...).

3. Mục tiêu của QCVN:

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng thuyết minh về mục tiêu của QCVN, bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của QCVN. Mục tiêu của QCVN có thể bao gồm một hoặc nhiều nội dung, ví dụ:

- Bảo đảm an toàn: Phòng ngừa, hạn chế các nguy cơ gây mất an toàn đối với con người, động vật, thực vật, tài sản và công trình;
- Bảo vệ sức khỏe, môi trường và lợi ích cộng đồng: Kiểm soát các yếu tố có khả năng tác động đến sức khỏe con người, chất lượng môi trường; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng và cộng đồng;
- Bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước: Tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá sự phù hợp và xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông sản phẩm, hàng hóa;
- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội: Góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính tương thích về kỹ thuật, thúc đẩy năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và thuận lợi hóa thương mại;
- Các nội dung khác phù hợp với mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của QCVN do cơ quan ban hành quy định.

III. CƠ SỞ XÂY DỰNG VÀ PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN

1. Nghiên cứu, khảo sát và thu thập thông tin:

- Nghiên cứu, điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh, tình hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực liên quan.
- Thu thập, tổng hợp dữ liệu, tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế; kết quả thử nghiệm, khảo nghiệm... và các báo cáo khoa học có liên quan.
- Đánh giá tình hình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành; phân tích sự phù hợp, bất cập và khoảng trống cần điều chỉnh.
- Tham vấn ý kiến cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan; chuyên gia, hiệp hội, doanh nghiệp.
- Phân tích, đánh giá tác động và tính khả thi của các yêu cầu kỹ thuật dự kiến quy định trong QCVN.
- Các nội dung khác có liên quan

2. Báo cáo năng lực thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp:

- Hiện trạng năng lực của các phòng thử nghiệm trong nước
- Khả năng đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật của dự thảo QCVN.
- Đánh giá nhu cầu thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp.
- Phân tích tính khả thi trong áp dụng, chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp.

3. Tài liệu làm căn cứ xây dựng QCVN:

- Danh mục tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc nước ngoài...
- Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiên bộ kỹ thuật
- Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định...

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CÁC PHẦN CHÍNH CỦA QCVN DỰ KIẾN

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:**2. Yêu cầu kỹ thuật:**

- Liệt kê rõ từng chỉ tiêu bắt buộc (ví dụ: độ bền cơ học, độ cách điện, hàm lượng chất độc hại, giới hạn phát thải...).

... ..

3. Yêu cầu về quản lý:

- Phương thức đánh giá sự phù hợp.
- Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy...

... ..

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân:**5. Tổ chức thực hiện:**

... ..

V. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị soạn thảo QCVN		
2	Nghiên cứu cơ sở khoa học và pháp lý		
3	Biên soạn dự thảo QCVN		
4	Tổ chức tham vấn ý kiến cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan; chuyên gia, hiệp hội, doanh nghiệp (hồ sơ dự thảo QCVN và hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành QCVN).		
5	Lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân có liên quan và thành viên WTO (hồ sơ dự thảo QCVN và hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành QCVN).		
6	Các hoạt động khác		
7	Đánh giá, thẩm tra hồ sơ dự thảo QCVN, dự thảo QCVN.		
8	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN; thẩm định hồ sơ dự thảo Thông tư ban hành QCVN.		
9	Ban hành QCVN		

VI. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

a. Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:

(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)

- Nguồn khác:

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Tổ chức chủ trì soạn thảo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 20 ...

Cục ...
(Ký tên, đóng dấu¹)

¹ Ký sau khi Bộ phê duyệt kế hoạch hằng năm

Biểu mẫu số 2. Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo TCVN/QCVN

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ SOẠN THẢO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO TCVN/QCVN

1. Thông tin chung

1.1. Tên TCVN/QCVN:

1.2. Căn cứ pháp lý

Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Danh mục các nhiệm vụ xây dựng TCVN năm ... ; Kế hoạch xây dựng QCVN năm ... ;

1.3. Tổ soạn thảo

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Vị trí
1			Tổ trưởng
2			Thành viên
3			Thành viên
4			Thành viên
5			Thư ký

1.4. Tiến độ thực hiện¹

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Lập, phê duyệt đề cương dự toán		
2	Soạn thảo TCVN/QCVN, lấy ý kiến, hội nghị chuyên đề		
3	Hoàn chỉnh dự thảo và lập Hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN		
4	Lấy ý kiến góp ý rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Bộ, Cục		
5	Thẩm tra Hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN		
6	Gửi hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN để thẩm định		
7	Hoàn thiện Hồ sơ TCVN/QCVN theo kết quả thẩm định		
8	Trình duyệt và công bố/ban hành		

2. Quá trình xây dựng dự thảo

Căn cứ đề cương và dự toán dự án xây dựng TCVN/QCVN: đã được phê duyệt, ... báo cáo quá trình xây dựng dự thảo như sau:

¹ Tùy thuộc vào giai đoạn thực hiện để báo cáo

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Kết quả đạt được
1	Khảo sát, đánh giá thực trạng liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của dự thảo		Báo cáo đánh giá và các tài liệu cần thiết
2	Thu thập tài liệu, văn bản quy định hiện hành		
3	Phân tích nghiên cứu đánh giá tài liệu		
4	Soạn thảo		Dự thảo 1
4.1	Soạn thảo các nội dung chuyên môn		Báo cáo
4.2	Hội nghị góp ý các nội dung chuyên môn		Báo cáo
4.3	Tổng hợp soạn thảo TCVN/QCVN kèm thuyết minh dự thảo		Dự thảo 1
5	Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan		CV số ...
5.1	Lấy ý kiến góp ý rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Bộ, Cục		
5.2	Gửi dự thảo tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân để xin ý kiến góp ý		Các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân
5.3	Tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân		Bảng tổng hợp tiếp thu giải trình ý kiến góp ý
5.4	Chỉnh sửa dự thảo theo ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân		Dự thảo 2

3. Thay đổi so với đề cương được duyệt (nếu có)

3.1. Tên TCVN/QCVN

Tên theo Đề cương được duyệt:

Tên đề nghị điều chỉnh của Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành:

3.2. Nội dung TCVN/QCVN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Bộ cục TCVN/QCVN

TT	Bố cục dự thảo TCVN theo Đề cương và Dự toán được duyệt	Bố cục Dự thảo TCVN trình thẩm định
1	Phạm vi áp dụng	Phạm vi áp dụng
2	Tài liệu viện dẫn	Tài liệu viện dẫn
3	Thuật ngữ và định nghĩa	Thuật ngữ và định nghĩa
		
	Các phụ lục	Các phụ lục

4. Kết luận

Hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN “... ..” đã được thực hiện theo đề cương, dự toán được duyệt và các quy định liên quan khác.

Nội dung dự thảo TCVN/QCVN đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; ý kiến đánh giá của Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành thẩm tra hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN.

Kính trình xem xét để gửi hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN đến cấp có thẩm quyền thẩm định và công bố/ban hành theo quy định hiện hành.

Tổ chức chủ trì soạn thảo
(Ký tên, đóng dấu²)

....., ngày tháng năm 20 ...
Tổ soạn thảo
(Ký tên)

² Ký sau khi Bộ phê duyệt kế hoạch hàng năm

Biểu mẫu số 3. Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến góp ý

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH VÀ TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý

TT	Nội dung được góp ý	Ý kiến góp ý	Giải trình và chỉnh sửa của Tổ soạn thảo
1	Nội dung quy định trong TCVN/QCVN được góp ý	- Tên tổ chức góp ý: - Nội dung góp ý:	- Ý kiến của Tổ soạn thảo về ý kiến góp ý: - Nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)
2	...		
3	...		
...			

Tổ chức chủ trì soạn thảo
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 20 ...

Tổ soạn thảo
(Ký tên)

Phụ lục 2
HỘI ĐỒNG KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH
(Tham khảo)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Vị trí và chức năng

Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định thành lập khi thấy cần thiết, Hội đồng hoạt động theo phương thức tập thể.

Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn giúp cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức xem xét, thẩm định dự án xây dựng TCVN, QCVN; đánh giá và thẩm tra hồ sơ, dự thảo TCVN, QCVN khi được cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị.

2. Thành phần Hội đồng

Hội đồng có ít nhất 07 thành viên, cơ cấu bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 02 Ủy viên phản biện (là chuyên gia có chuyên môn phù hợp với đối tượng của tiêu chuẩn, quy chuẩn) và các Ủy viên (đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành, đại diện Vụ Khoa học và Công nghệ và các chuyên gia). Thành viên thuộc Tổ soạn thảo hoặc Đơn vị chủ trì soạn thảo không được tham gia vào Hội đồng.

3. Nguyên tắc và phương thức làm việc

- Hội đồng làm việc theo phương thức họp trực tiếp. Phiên họp chỉ hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, trong đó bắt buộc phải có mặt Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền), các Ủy viên phản biện và Thư ký. Tùy tình hình thực tế, Hội đồng có thể mời đại diện các cơ quan, tổ chức là đối tượng chịu tác động tham gia phiên họp để trao đổi, thảo luận.

- Trường hợp không thể tham gia phiên họp, thành viên Hội đồng phải gửi ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản đến cơ quan quản lý chuyên ngành chậm nhất là 01 ngày trước ngày tổ chức họp. Ý kiến của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo, không được tính vào tỷ lệ biểu quyết thông qua của Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng đánh giá độc lập bằng phiếu (Mẫu số 2 kèm theo). Kết luận của Hội đồng được thể hiện bằng Biên bản (Mẫu số 1 kèm theo) và chỉ được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên có mặt tại phiên họp nhất trí.

Phiếu nhận xét của thành viên hội đồng và Biên bản họp Hội đồng được chuyển tới cơ quan quản lý chuyên ngành để xem xét, làm cơ sở thông báo kết quả đến đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ.

Mẫu số 1. Biên bản Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành

CỤC ...
HỘI ĐỒNG
KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20... ..

BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH

1. Quyết định thành lập Hội đồng:

... ..

2. Địa điểm và thời gian họp

... ..

3. Thành phần dự họp

Tổng số thành viên:

Số thành viên vắng mặt:

... ..

... ..

Khách mời:

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

4. Thông tin về TCVN/QCVN

a) Tên TCVN/QCVN:

... ..

... ..

... ..

b) Tổ chức chủ trì soạn thảo TCVN/QCVN

... ..

c) Hình thức xây dựng:

+ Xây dựng mới	☐	+ Sửa đổi, bổ sung	☐
----------------	--------------------------	--------------------	--------------------------

5. Nội dung đánh giá

5.1 Về thành phần hồ sơ và mức độ hoàn thiện (đánh giá tính đầy đủ và mức độ hoàn thiện của từng loại tài liệu trong hồ sơ xây dựng TCVN/QCVN)

TT	Thành phần hồ sơ	Có	Không
1	Quyết định phê duyệt kế hoạch hằng năm xây dựng TCVN/QCVN	☐	☐
2	Đề cương và dự toán dự án xây dựng TCVN/QCVN	☐	☐
3	Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn của Tổ chức chủ trì soạn thảo	☐	☐
4	Dự thảo TCVN/QCVN	☐	☐
5	Thuyết minh dự thảo TCVN/QCVN	☐	☐
6	Bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo TCVN/QCVN	☐	☐
7	Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến	☐	☐
8	Các văn bản góp ý của tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo để lấy ý kiến	☐	☐
9	Bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân	☐	☐

Liệt kê các tài liệu cần bổ sung; mức độ hoàn thiện của từng loại tài liệu:

.....
.....
.....

5.2 Về bố cục, trình bày (đối với TCVN, căn cứ TCVN 1-2:2025; đối với QCVN, căn cứ Chương IV Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN)

.....
.....

5.3 Nội dung dự thảo TCVN/QCVN

.....
.....

6. Kết luận của Hội đồng

.....
.....

Biên bản họp Hội đồng được thông qua theo quy định tại Mục 3 Phụ lục 2 Quy chế này vào ngày tháng năm....

Thư ký Hội đồng
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(ký, ghi rõ họ tên)

CỤC ...
HỘI ĐỒNG
KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH

Hà Nội, ngày tháng năm 20... ..

Ủy viên phản biện dự thảo TCVN/QCVN ☐

Ủy viên hội đồng

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:

*** **

2. Tên TCVN/QCVN:

*** **

3. Tổ chức chủ trì soạn thảo:

4. Nội dung dự thảo TCVN/QCVN

4.1. Thành phần hồ sơ và mức độ hoàn thiện (đánh giá tính đầy đủ của hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 hoặc điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).

*** **

4.2. Về nội dung chi tiết dự thảo TCVN/QCVN

a) Góp ý chung

*** **

[illegible]

b) Bố cục, trình bày (đối với TCVN, căn cứ TCVN 1-2:2025; đối với QCVN, căn cứ Chương IV Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN)

c) Chi tiết về nội dung dự thảo TCVN/QCVN (căn cứ đề cương dự án xây dựng TCVN/QCVN được duyệt, phạm vi áp dụng/quy định và nội dung dự thảo TCVN/QCVN để đánh giá, góp ý)

5. Đánh giá chung, kiến nghị

1. Đồng ý hoàn toàn	☐
2. Đồng ý nhưng đề nghị bổ sung, sửa hoàn thiện	☐
3. Không đồng ý	☐

1. The first row contains 20 dots.

2. The second row contains 19 dots.

3. The third row contains 18 dots.

4. The fourth row contains 17 dots.

5. The fifth row contains 16 dots.

6. The sixth row contains 15 dots.

7. The seventh row contains 14 dots.

8. The eighth row contains 13 dots.

9. The ninth row contains 12 dots.

10. The tenth row contains 11 dots.

11. The eleventh row contains 10 dots.

12. The twelfth row contains 9 dots.

13. The thirteenth row contains 8 dots.

14. The fourteenth row contains 7 dots.

15. The fifteenth row contains 6 dots.

16. The sixteenth row contains 5 dots.

17. The seventeenth row contains 4 dots.

18. The eighteenth row contains 3 dots.

19. The nineteenth row contains 2 dots.

20. The twentieth row contains 1 dot.

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ, tên)